

DANH SÁCH SINH VIÊN K12, 13, 14, 15 HƯỞNG HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP HỌC KỲ II NĂM HỌC 2017 - 2018

(Kèm theo Quyết định số: 312/QĐ-ĐHKH, ngày 2 tháng 5 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Khoa học)

STT	MÃ SINH VIÊN	SỐ TK	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN /THÁNG	Số tháng	TỔNG TIỀN
1	DTZ1452203100032	8500220047144	Trương Thị	Biếc	13/10/1996	Tày	Lịch Sử - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
2	DTZ1452203100039	8308205083244	Hoàng Thị	Diệp	29/03/1995	Dao	Lịch Sử - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
3	DTZ1552203100001	8500220051628	Vương Văn	Châu	25/04/1996	Hơ mông	Lịch Sử - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
4	DTZ1552203100004	8500220051657	Hà Thị	Huyền	28/09/1997	Tày	Lịch Sử - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
5	DTZ1552203100006	8500220051670	Hoàng Thị Hồng	Lâm	04/02/1997	Tày	Lịch Sử - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
6	DTZ1552203100019	8500220078755	Vì Văn	Tứ	25/11/1996	Nùng	Lịch Sử - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
7	DTZ1552203100018	8500220056100	Giàng Thị	Vân	12/08/1997	Mông	Lịch Sử - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
8	DTZ1552203100003	8500220051640	Lò Văn	Hường	25/01/1996	Thái	Lịch Sử - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
9	DTZ1453202020018	8500220046707	Hoàng Thị	Châm	24/08/1995	Tày	KH Thư viện - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
10	DTZ1455281020046	7804205025532	Lò Thị	Điều	20/09/1996	Thái	KH Thư viện - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
11	DTZ1453202020007	8500220044776	Hà Thị Hồng	Minh	30/04/1996	Nùng	KH Thư viện - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
12	DTZ1453202020019	8500220047246	Lý Mí	Xó	15/06/1996	Hà nhì	KH Thư viện - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
13	DTZ1553202020015	8500220055999	Bàn Thị	Lành	24/02/1997	Dao	KH Thư viện - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
14	DTZ1553202020013	8500220055772	Đặng Thị	Liếp	04/09/1997	Tày	KH Thư viện - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
15	DTZ1553202020010	8500220055816	Bế Đình	Luân	04/05/1996	Tày	KH Thư viện - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
16	DTZ1553202020003	8500220051742	Tòng Thị	Luyến	10/02/1997	Thái	KH Thư viện - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
17	DTZ1553202020012	#N/A	Lý Thị	Tá	22/07/1997	Dao	KH Thư viện - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
18	DTZ1652202010020	8500220062959	Hà Đình	Đức	29/07/1997	Tày	Tiếng Anh DL - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
19	DTZ1652202010008	8500220062726	Ma Văn	Thiên	22/09/1998	Tày	Tiếng Anh DL - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
20	DTZ1652202010023	8500220062988	Nông Thế	Vũ	06/11/1997	Tày	Tiếng Anh DL - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
21	DTZ1752220201002	8500220124115	Đình Thị	Lệ	05/10/1999	Thái	Tiếng Anh DL - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
22	DTZ1752220201014	8500220124121	Hoàng Diệu	Lan	15/12/1999	Nùng	Tiếng Anh DL - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
23	DTZ1752220201026	#N/A	Lộc Thị	Loan	26/04/1998	Giáy	Tiếng Anh DL - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
24	DTZ1455104030025	8500220037288	Thiệu Thị Thu	Phương	22/10/1996	Dao	Hóa dược - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
25	DTZ1455104030053	8707205048121	Hoàng Thị Thủy	Tiên	24/02/1996	Tày	Hóa dược - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
26	DTZ1657204030004	8500220058430	Thào A	Chu	09/06/1998	Hơ mông	Hóa dược - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000

STT	MÃ SINH VIÊN	SỐ TK	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN /THÁNG	Số tháng	TỔNG TIỀN
27	DTZ1657204030007	8500220058475	Nông Thị	Hằng	22/01/1998	Tày	Hóa dược - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
28	DTZ1457601010066	8500220041017	Lò Thị	Chường	23/10/1995	Thái	Công tác XH A - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
29	DTZ1457601010062	#N/A	Hàng Seo	Của	01/06/1995	Mông	Công tác XH A - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
30	DTZ1457601010040	8500220040927	Lò Thị	Hiên	11/04/1996	Tày	Công tác XH A - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
31	DTZ1457601010024	8500220040940	Lô Trí	Kiên	07/11/1996	Nùng	Công tác XH A - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
32	DTZ1457601010035	8500220041046	Triệu Thị	Lương	15/02/1995	Dao	Công tác XH A - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
33	DTZ1457601010019	8500220041240	Ma Thị	Ngoãn	26/06/1996	Tày	Công tác XH A - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
34	DTZ1457601010059	8500220041030	Triệu Thị	Nhất	13/05/1995	Dao	Công tác XH A - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
35	DTZ1457601010055	8500220040883	Bàn Văn	Niên	03/01/1993	Dao	Công tác XH A - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
36	DTZ1457601010007	8500220041749	Hà Thị	Phượng	09/07/1996	Tày	Công tác XH A - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
37	DTZ1457601010008	8500220041160	Giàng Thị	Sua	15/06/1995	Mông	Công tác XH A - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
38	DTZ1457601010058	8500220041364	Lương Thị	Thanh	24/05/1995	Nùng	Công tác XH A - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
39	DTZ1457601010052	8905205048516	Lò Thị	Thuôn	05/01/1995	Thái	Công tác XH A - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
40	DTZ1457601010071	8500220041227	Lý Thị	Thùy	09/03/1996	Tày	Công tác XH A - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
41	DTZ1457601010044	8500220041075	Hoàng Lê	Thủy	02/04/1996	Nùng	Công tác XH A - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
42	DTZ1457601010048	8500220041472	Lò Văn	Tiện	11/05/1996	Thái	Công tác XH A - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
43	DTZ1457601010037	#N/A	Lê Thị Thùy	Trang	15/09/1996	Tày	Công tác XH A - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
44	DTZ1457601010088	8500220041699	Sùng Mí	Cáy	06/08/1995	Mông	Công tác XH B - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
45	DTZ1457601010084	8500220046930	Giàng A	Chủ	05/06/1996	Mông	Công tác XH B - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
46	DTZ1457601010100	8500220045500	Ma Quang	Đôn	25/11/1995	Tày	Công tác XH B - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
47	DTZ1457601010089	8500220040910	Má A	Du	06/03/1996	Mông	Công tác XH B - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
48	DTZ1457601010082	8207205017527	Nùng Thị	Hiên	10/06/1995	Nùng	Công tác XH B - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
49	DTZ1457601010090	8510205037430	Lý Hà	Hừ	05/10/1996	Hà nhĩ	Công tác XH B - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
50	DTZ1457601010141	8500220046867	Hoàng Việt	Hùng	03/11/1996	Tày	Công tác XH B - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
51	DTZ1457601010138	#N/A	Ma Thị	Huyền	12/08/1995	Tày	Công tác XH B - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
52	DTZ1457601010142	8501205130986	Triệu Văn	Khôi	29/10/1995	Tày	Công tác XH B - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
53	DTZ1457601010108	8501205086405	Vũ Thị Huyền	My	26/11/1996	Tày	Công tác XH B - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
54	DTZ1457601010077	8500220040860	Hoàng Mùi	Nái	02/06/1996	Dao	Công tác XH B - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
55	DTZ1457601010098	8500220045870	Nhạc Thị	Nay	12/09/1996	Nùng	Công tác XH B - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
56	DTZ1457601010145	8500220076999	Hoàng Thị	Nga	22/04/1995	Nùng	Công tác XH B - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
57	DTZ1457601010112	8311205025928	Hoàng Thị	Nom	13/08/1995	Tày	Công tác XH B - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
58	DTZ1457601010127	8500220045598	Lý Thị	Phong	14/08/1996	Nùng	Công tác XH B - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000

STT	MÃ SINH VIÊN	SỐ TK	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN /THÁNG	Số tháng	TỔNG TIỀN
59	DTZ1457601010137	8500220045756	Nông Đăng Thị	Phượng	04/10/1995	Nùng	Công tác XH B - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
60	DTZ1457601010106	8500220045496	Nguyễn Thị	Thảo	15/08/1995	Tày	Công tác XH B - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
61	DTZ1457601010123	8209205097100	Nguyễn Thị	Thiếp	12/09/1996	Tày	Công tác XH B - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
62	DTZ1457601010128	8500220045893	Nùng Thị	Tiến	11/03/1996	Thái	Công tác XH B - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
63	DTZ1457601010113	8310205036430	Triệu Văn	Tự	17/05/1996	Dao	Công tác XH B - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
64	DTZ1457601010144	8213205009060	Nguyễn Anh	Tuấn	20/03/1996	Tày	Công tác XH B - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
65	DTZ1457601010074	8906205017362	Sùng A	Và	14/06/1995	Mông	Công tác XH B - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
66	DTZ1457601010075	8500220041204	Hạng Thị	Xua	14/08/1995	Mông	Công tác XH B - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
67	DTZ1557601010004	8500220053226	Hà Văn	Bình	28/02/1997	Thái	Công tác XH A - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
68	DTZ1557601010006	8500220053261	Lò Thị	Bua	17/05/1997	Thái	Công tác XH A - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
69	DTZ1557601010012	8500220053328	Hoàng Thị	Chi	22/11/1996	Tày	Công tác XH A - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
70	DTZ1557601010014	8500220053340	Lò A	Công	01/04/1996	Mảng	Công tác XH A - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
71	DTZ1557601010017	8500220053370	Thần A	Dậu	12/07/1997	Dao	Công tác XH A - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
72	DTZ1557601010018	8501205093423	Lý Pờ	De	15/07/1996	Hà nhì	Công tác XH A - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
73	DTZ1557601010104	8500220054888	Sùng A	Dờ	07/05/1997	Hơ mông	Công tác XH A - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
74	DTZ1557601010052	8500220054337	Thào Thị	Mây	16/02/1996	Mông	Công tác XH A - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
75	DTZ1557601010060	8500220053074	Nguyễn Thị	Nghĩa	05/01/1997	Tày	Công tác XH A - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
76	DTZ1557601010061	8500220053080	Sùng Mí	Nu	20/10/1993	Mông	Công tác XH A - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
77	DTZ1557601010063	8500220053101	Hà Thị	Oanh	13/03/1997	Mường	Công tác XH A - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
78	DTZ1557601010066	8500220054308	Đào Thị	Phúc	03/05/1997	Thái	Công tác XH A - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
79	DTZ1557601010101	7804205028206	Lù Xi	Pư	01/09/1996	Hà nhì	Công tác XH A - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
80	DTZ1557601010068	8500220054293	Lý Lý	Pứ	20/09/1997	Hà nhì	Công tác XH A - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
81	DTZ1557601010112	8500220056282	Tao Thị	Quỳnh	20/03/1997	Lự	Công tác XH A - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
82	DTZ1557601010129	8500220110740	Mạ Châu	Se	20/08/1997	Hà nhì	Công tác XH A - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
83	DTZ1557601010077	8500220053646	Giàng A	Tằng	13/08/1996	Hơ mông	Công tác XH A - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
84	DTZ1557601010099	8500220054206	Vàng Thị	Thào	08/06/1997	Mông	Công tác XH A - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
85	DTZ1557601010082	8310205035102	Lương Phương	Thảo	21/06/1997	Nùng	Công tác XH A - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
86	DTZ1557601010120	7805205060535	Tòng Văn	Thom	28/04/1997	Thái	Công tác XH A - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
87	DTZ1557601010100	8500220056253	Lý Khò	Tư	31/12/1997	Hà nhì	Công tác XH A - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
88	DTZ1557601010123	8500220055635	Hoàng Công	Tuấn	11/07/1997	Dao	Công tác XH A - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
89	DTZ1557601010086	8500220053754	Sinh A	Túc	06/10/1995	Mông	Công tác XH A - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
90	DTZ15576010100087	8500220053760	Vừ Thị	Vá	28/09/1997	Mông	Công tác XH A - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000

STT	MÃ SINH VIÊN	SỐ TK	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN /THÁNG	Số tháng	TỔNG TIỀN
91	DTZ1557601010111	8500220055839	Dinh Thị	Và	08/07/1997	Mông	Công tác XH A - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
92	DTZ1557601010015	8500220053357	Sùng A	Cụ	20/02/1996	Mông	Công tác XH B - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
93	DTZ1557601010117	8500220055317	Nông Thị Thu	Hà	07/06/1997	Tày	Công tác XH B - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
94	DTZ1557601010128	8500220055057	Hoàng Thị	Hoa	06/10/1996	Dao	Công tác XH B - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
95	DTZ1557601010033	8500220053521	Giàng A	Hồng	20/10/1996	Mông	Công tác XH B - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
96	DTZ1557601010125	8500220055750	Nông Văn	Hung	13/09/1997	Nùng	Công tác XH B - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
97	DTZ1557601010044	#N/A	La Thị	Lệ	16/09/1997	Tày	Công tác XH B - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
98	DTZ1557601010042	8500220053698	Vàng Thị	Lệ	24/05/1997	Thái	Công tác XH B - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
99	DTZ1557601010050	8500220053790	Nông Hồng Nhung	Lụa	14/06/1997	Tày	Công tác XH B - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
100	DTZ1557601010051	8500220054320	Vừ A	Mạnh	05/06/1997	Hơ mông	Công tác XH B - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
101	DTZ1557601010053	8500220054343	Quảng Thị	Mây	05/12/1995	Kháng	Công tác XH B - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
102	DTZ1557601010095	8500220054191	Nguyễn Thị	Mây	24/09/1997	Thái	Công tác XH B - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
103	DTZ1557601010054	#N/A	Phản Lở	Mây	11/03/1997	Dao	Công tác XH B - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
104	DTZ1557601010055	8500220054366	Chèo Yêu	Mìn	07/11/1996	Dao	Công tác XH B - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
105	DTZ1557601010056	8500220053045	Hoàng Thị	My	19/06/1996	Hơ mông	Công tác XH B - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
106	DTZ1557601010057	8500220054372	Mùa A	Náng	12/07/1996	Mông	Công tác XH B - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
107	DTZ1557601010103	8500220056089	Lý A	Phia	11/09/1997	Hơ mông	Công tác XH B - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
108	DTZ1557601010069	8500220054287	Sần Lao	Quái	24/08/1997	Hoa	Công tác XH B - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
109	DTZ1557601010078	8500220053210	Nông Thị	Thắm	10/07/1997	Tày	Công tác XH B - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
110	DTZ1557601010080	8500220053232	Vừ Mìn	Thắng	01/08/1996	Hơ mông	Công tác XH B - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
111	DTZ1557601010083	8500220053675	Đao Thị	Thim	10/10/1997	Thái	Công tác XH B - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
112	DTZ1557601010109	8500220055454	Vy Thị	Trâm	19/03/1997	Tày	Công tác XH B - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
113	DTZ1557601010116	8500220056769	Sùng A	Tung	15/07/1997	Hơ mông	Công tác XH B - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
114	DTZ1557601010090	8500220053550	Hoàng Văn	Xình	07/12/1993	Hơ mông	Công tác XH B - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
115	DTZ1557601010091	8500220054258	Lý Gạ	Xó	03/12/1996	Hà nhì	Công tác XH B - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
116	DTZ1657601010039	#N/A	Giàng Xe	Bư	26/03/1998	Hà nhì	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
117	DTZ1657601010053	8500220064012	Lò Thị	Cành	14/08/1998	Thái	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
118	DTZ1657601010012	8500220062784	Tráng Seo	Cha	03/10/1998	Mông	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
119	DTZ1657601010135	8500220110792	Giàng A	Chu	27/07/1998	Mông	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
120	DTZ1657601010042	8500220062291	Lương Thị	Chuyên	23/05/1998	Tày	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
121	DTZ1657601010036	8500220062358	Lò Mì	De	20/12/1998	Hà nhì	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
122	DTZ1657601010062	8500220063939	Vừ A	Dì	10/06/1998	H Mông	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000

STT	MÃ SINH VIÊN	SỐ TK	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN /THÁNG	Số tháng	TỔNG TIỀN
123	DTZ1657601010010	8500220062811	Lý Thị	Đông	05/09/1998	Thái	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
124	DTZ1657601010037	8500220062341	Lò Thị	Dư	05/02/1998	Thái	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
125	DTZ1657601010145	8500220078516	Ly Ky	Đư	21/07/1998	La hủ	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
126	DTZ1657601010063	8500220078081	Lò Thị	Hà	17/09/1998	Thái	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
127	DTZ1657601010017	8305205035570	Sầm Thị	Hiền	16/07/1997	Nùng	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
128	DTZ1657601010052	8500220064029	Nông Thị Hồng	Linh	04/05/1997	Tày	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
129	DTZ1657601010007	8500220063157	Sì Cá	Lòng	07/06/1998	Hà nhì	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
130	DTZ1657601010131	8500220078857	Ly A	Lữ	06/02/1995	H Mông	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
131	DTZ1657601010133	8500220078597	Hoàng Anh	Lương	19/05/1997	Tày	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
132	DTZ1657601010022	8500220062472	Dương Thị	Mai	01/11/1998	Mông	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
133	DTZ1657601010027	8500220062437	Hoàng Thị	Nghim	11/10/1997	Dao	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
134	DTZ1657601010004	8500220078075	Hoàng Bích	Ngọc	16/07/1997	Nùng	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
135	DTZ1657601010031	8500220062393	Cháng Thị	Nhùm	02/06/1998	Nùng	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
136	DTZ1657601010137	8500220110807	Vàng Thị	Phía	08/03/1998	H Mông	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
137	DTZ1657601010006	8500220063170	Giàng A	Phùng	15/05/1997	H Mông	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
138	DTZ1657601010071	8500220063850	Phùng Quang	Phương	10/11/1998	Dao	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
139	DTZ1657601010077	8500220063808	Hờ A	Sang	13/11/1997	H Mông	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
140	DTZ1657601010020	8500220062516	Giàng A	Sềng	21/07/1996	Mông	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
141	DTZ1657601010024	8500220062466	Đieu Chính	Son	05/06/1998	Thái	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
142	DTZ1657601010065	8500220063916	Ly A	Su	05/06/1994	Hơ mông	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
143	DTZ1657601010018	8500220062551	Ma Thị	Tâm	12/04/1997	Tày	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
144	DTZ1657601010046	8500220062240	Ly Seo	Thanh	08/12/1997	H Mông	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
145	DTZ1657601010011	8500220062790	Quan Thị	Thi	27/04/1998	Tày	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
146	DTZ1657601010040	8500220062312	Nông Thị	Thoa	16/05/1998	Tày	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
147	DTZ1657601010008	8500220063134	Hoàng Thị	Trà	16/10/1997	Tày	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
148	DTZ1657601010033	8500220062387	Lý Văn	Tuần	16/09/1998	Dao	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
149	DTZ1657601010016	8500220062597	Sùng Thị	Vi	05/06/1997	Mông	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
150	DTZ1657601010009	8500220063105	Ly Phí	Xạ	15/04/1998	La hủ	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
151	DTZ1657601010112	8500220078489	Nông Thị Ngọc	Ánh	22/04/1997	Tày	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
152	DTZ1657601010079	8500220063787	Mua Mí	Cáy	17/08/1997	Mông	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
153	DTZ1657601010120	8500220078580	Lò Thị	Châm	01/01/1997	Thái	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
154	DTZ1657601010111	8500220078131	Hạng A	Chinh	04/03/1998	H Mông	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000

STT	MÃ SINH VIÊN	SỐ TK	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN /THÁNG	Số tháng	TỔNG TIỀN
155	DTZ1657601010069	8500220063872	Vàng Thị	Chứ	07/04/1998	H Mông	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
156	DTZ1657601010095	8500220063679	Giàng A	Của	10/02/1997	H Mông	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
157	DTZ1657601010126	8500220078647	Lò Mạnh	Cường	15/05/1998	Thái	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
158	DTZ1657601010098	8500220078466	Chúng Seo	Dẫn	01/01/1991	Nùng	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
159	DTZ1657601010081	8500220063764	Hàng A	Do	15/02/1997	H Mông	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
160	DTZ1657601010080	8500220063770	Hoàng Văn	Hiển	09/01/1998	Nùng	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
161	DTZ1657601010086	8500220063729	Lương Thị	Hiệu	26/11/1997	Tày	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
162	DTZ1657601010083	8500220063741	Vàng Văn	Hoàng	23/05/1998	Thái	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
163	DTZ1657601010085	8500220078568	Cam Thị	Hương	13/11/1997	Tày	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
164	DTZ1657601010110	#N/A	Bùi Văn	Khải	20/11/1998	Mường	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
165	DTZ1657601010129	8500220078660	Lò Thị	Khuyến	05/03/1998	Thái	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
166	DTZ1657601010109	8500220078098	Lý Mỹ	Lan	18/08/1998	Hà nhì	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
167	DTZ1657601010091	8500220078306	Lò Văn	Liên	20/10/1998	Thái	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
168	DTZ1657601010088	8500220063640	Sùng Mí	Ly	22/10/1996	Mông	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
169	DTZ1657601010108	8500220078472	Giàng Thị	Mai	23/09/1996	H Mông	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
170	DTZ1657601010114	8500220078450	Cùng Thị	Mơ	08/04/1998	Pu péo	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
171	DTZ1657601010119	8500220078545	Thào Mí	Nam	22/06/1998	H Mông	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
172	DTZ1657601010087	8500220078601	Trần Thị	Nhung	07/07/1997	H Mông	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
173	DTZ1657601010076	8500220063814	Lý Khò	Nu	06/11/1998	Hà nhì	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
174	DTZ1657601010075	8500220063820	Sùng Xừ	Pư	08/01/1998	Hà nhì	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
175	DTZ1657601010094	8500220078630	Điêu Văn	Sơn	18/01/1998	Thái	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
176	DTZ1657601010067	8500220063895	Nông Thị	Thắm	26/08/1998	Tày	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
177	DTZ1657601010082	8500220063758	Phàn A	Thanh	07/10/1995	Dao	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
178	DTZ1657601010102	8500220110836	Sỳ Giá	Tư	07/05/1996	Hà nhì	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
179	DTZ1657601010101	8500220063662	Hứa Thị	Uyên	26/02/1998	Nùng	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
180	DTZ1752760101054	8500220121009	Chu Gió	Cà	27/07/1999	Hà nhì	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
181	DTZ1752760101059	8500220121021	Lý Thị	Chía	10/02/1999	Mông	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
182	DTZ1752760101038	8500220121038	Giàng A	Chính	02/07/1999	Mông	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
183	DTZ1752760101002	#N/A	Triệu Thị	Chuồng	20/08/1998	Dao	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
184	DTZ1752760101070	8500220121050	Bế Văn	Chuyên	17/08/1999	Tày	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
185	DTZ1752760101078	8500220121668	Chư A	Cu	13/10/1998	Mông	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
186	DTZ1752760101048	8500220121096	Lý Khừ	De	20/08/1999	Hà nhì	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000

STT	MÃ SINH VIÊN	SỐ TK	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN /THÁNG	Số tháng	TỔNG TIỀN
187	DTZ1752760101062	8500220121152	Giàng A	Dếnh	05/06/1999	Mông	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
188	DTZ1752760101037	8500220121117	Giàng A	Dì	06/03/1999	Mông	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
189	DTZ1752760101061	8500220121123	Thào A	Dì	15/12/1999	Hơ mông	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
190	DTZ1752760101055	#N/A	Lò Mì	Do	12/09/1999	Hà nhì	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
191	DTZ1752760101068	8500220121198	Giàng A	Đông	12/07/1998	Hơ mông	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
192	DTZ1752760101005	8500220121181	Lý Văn	Duy	30/06/1998	Dao	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
193	DTZ1752760101047	8500 220121231	Phàn Xuân	Hải	02/03/1999	Dao	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
194	DTZ1752760101003	8500220121225	Lầu A	Hành	30/06/1998	Mông	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
195	DTZ1752760101081	8500220131792	Lý Thu	Hiền	29/09/1998	Hà nhì	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
196	DTZ1752760101028	8500220121248	Tần Mí	Hồng	19/08/1999	Dao	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
197	DTZ1752760101052	8500220121277	Giàng A	Hòa	25/11/1999	Mông	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
198	DTZ1752760101010	#N/A	Vàng Thị Thúy	Hường	28/01/1998	Thái	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
199	DTZ1752760101020	8500220121333	Vàng Sừ	Lợi	01/02/1999	Pa dí	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
200	DTZ1752760101082	8500220131820	Nguyễn Thị	Mai	04/02/1999	Tày	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
201	DTZ1752760101024	8500220121406	Lý Mỏ	Nu	06/10/1999	Hà nhì	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
202	DTZ1752760101064	8500220121435	Mùa A	Pó	12/10/1999	Hơ mông	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
203	DTZ1752760101031	8500220121441	Đàm Văn	Sáng	01/01/1999	Nùng	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
204	DTZ1752760101012	8500220121458	Dinh Thị	Say	19/05/1998	Mông	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
205	DTZ1752760101057	8500220121464	Thào A	Sinh	03/10/1997	Mông	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
206	DTZ1752760101043	8500220121487	Vàng Thị	Sua	28/01/1999	Mông	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
207	DTZ1752760101045	8500220121520	Hoàng Thị	Thắm	15/08/1999	Tày	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
208	DTZ1752760101072	8500220121514	Hoàng Văn	Thành	04/09/1999	Hơ mông	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
209	DTZ1752760101071	8500220121493	Sùng Seo	Thẻ	20/10/1999	Mông	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
210	DTZ1752760101025	#N/A	Luân Thùy	Trang	24/06/1999	Nùng	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
211	DTZ1752760101076	#N/A	Lý A	Tú	17/10/1999	Hà nhì	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
212	DTZ1752760101046	8500220121566	Giàng A	Tú	02/02/1999	Hơ mông	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
213	DTZ1752760101042	8500220121572	Nguyễn Văn	Tuấn	01/08/1999	Tày	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
214	DTZ1752760101077	8500220131807	Thào Văn	Va	02/04/1998	Mông	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
215	DTZ1752760101004	8500220121600	Phượng Thị	Vân	30/07/1999	Dao	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
216	DTZ1752760101060	8500220121622	Lò Lèn	Xó	16/08/1998	Hà nhì	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
217	DTZ1752760101034	#N/A	Hoàng Thị Hải	Yến	08/02/1999	Tày	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
218	DTZ1453404010027	8500220040180	Nguyễn Thị Kim	Chi	27/03/1996	Nùng	KH Quản lý A - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000

STT	MÃ SINH VIÊN	SỐ TK	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN /THÁNG	Số tháng	TỔNG TIỀN
219	DTZ1453404010052	8500220046692	Hầu A	Dế	30/08/1996	Hơ mông	KH Quản lý A - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
220	DTZ1453404010035	8500220047298	Vàng Mí	Giàng	07/11/1988	Hơ mông	KH Quản lý A - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
221	DTZ1453404010042	8500220038432	Lường Văn	Họa	10/03/1996	Thái	KH Quản lý A - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
222	DTZ1453404010033	8311205023344	Nông Văn	Hoàng	05/10/1994	Tày	KH Quản lý A - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
223	DTZ1453404010032	8500220040037	Sin Thị	Hương	20/06/1995	Nùng	KH Quản lý A - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
224	DTZ1453404010039	8500220038029	Thào Thị	Khua	11/08/1996	Hơ mông	KH Quản lý A - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
225	DTZ1453404010055	8500220038297	Chảo Phế	Liềm	27/06/1996	Dao	KH Quản lý A - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
226	DTZ1453404010020	8500220047302	Triệu Hoài	Nam	23/05/1995	Dao	KH Quản lý A - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
227	DTZ1453404010013	8500220047348	Bàn Văn	Quang	14/04/1995	Dao	KH Quản lý A - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
228	DTZ1453404010050	8500220038960	Nông Văn	Sống	08/04/1996	Tày	KH Quản lý A - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
229	DTZ1453404010029	8500220040100	Nông Văn	Tâm	24/04/1996	Nùng	KH Quản lý A - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
230	DTZ1453404010019	8500220040201	Nông Đức	Thuận	24/08/1994	Tày	KH Quản lý A - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
231	DTZ1453404010048	8500220039435	Hoàng Thị	Thủy	13/08/1995	Tày	KH Quản lý A - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
232	DTZ1453404010025	8500220040072	Hà Ngọc	Trâm	18/06/1996	Thái	KH Quản lý A - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
233	DTZ1453404010005	8500220039992	Mông Thu	Trang	08/09/1996	Nùng	KH Quản lý A - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
234	DTZ1453404010021	#N/A	Bàn Thị	Xuân	12/10/1995	Dao	KH Quản lý A - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
235	DTZ1453404010075	8500220043403	Quảng Thị	Chỉnh	15/10/1996	Thái	KH Quản lý B - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
236	DTZ1453404010080	7804205022114	Lý Đức	Minh	01/03/1996	Hà nhì	KH Quản lý B - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
237	DTZ1453404010082	8500220043563	Lò Văn	Oanh	03/05/1994	Thái	KH Quản lý B - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
238	DTZ1453404010079	8104205127419	Vì Hữu	Tài	15/07/1996	Tày	KH Quản lý B - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
239	DTZ1453404010088	8311205022863	Lý Thị	Thảo	08/04/1996	Tày	KH Quản lý B - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
240	DTZ1453404010078	8500220043449	Bùi Ngọc	Trang	24/05/1996	Mường	KH Quản lý B - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
241	DTZ1453404010057	8500220038353	Sùng Gạ	Tư	04/06/1996	Hà nhì	KH Quản lý B - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
242	DTZ1553404010001	8311205033042	Bế Thị Lan	Anh	20/10/1997	Nùng	KH Quản lý - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
243	DTZ1553404010006	8500220054002	Đàm Bích	Duyên	26/11/1997	Nùng	KH Quản lý - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
244	DTZ1553404010008	8500220054083	Hằng A	Hành	12/09/1997	Mông	KH Quản lý - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
245	DTZ1553404010042	#N/A	Vương Thị	Hiên	22/11/1996	Nùng	KH Quản lý - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
246	DTZ1553404010017	#N/A	Dương Thị	Hường	09/03/1996	Tày	KH Quản lý - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
247	DTZ1553404010035	#N/A	Vàng A	Lữ	06/08/1997	Mông	KH Quản lý - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
248	DTZ1553404010020	8500220054133	Lò Văn	Minh	03/11/1996	Thái	KH Quản lý - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
249	DTZ1553404010036	8500220054140	Phàn A	Ởn	06/08/1997	Dao	KH Quản lý - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
250	DTZ1553404010024	8500220053840	Hoàng Văn	Quân	30/07/1997	Nùng	KH Quản lý - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000

STT	MÃ SINH VIÊN	SỐ TK	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN /THÁNG	Số tháng	TỔNG TIỀN
251	DTZ1553404010039	8500220078732	Sùng Mí	Say	06/05/1995	Mông	KH Quản lý - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
252	DTZ1553404010027	8500220054077	Giàng Thị	Thành	30/12/1996	Mông	KH Quản lý - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
253	DTZ1653404010050	8500220077066	Đặng Tồn	Chuông	10/10/1998	Dao	KH Quản lý - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
254	DTZ1653404010046	#N/A	Đàm Ngọc	Đinh	25/10/1997	Nùng	KH Quản lý - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
255	DTZ1653404010005	8500220059694	Dương Thị	Hạnh	10/08/1998	Nùng	KH Quản lý - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
256	DTZ1653404010016	8500220060063	Hoàng Thị	Hiền	08/04/1998	Nùng	KH Quản lý - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
257	DTZ1653404010037	8500220061904	Hờ A	Lênh	01/07/1998	Mông	KH Quản lý - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
258	DTZ1653404010022	8500220060398	Nguyễn Thị Minh	Luyến	14/05/1998	Dao	KH Quản lý - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
259	DTZ1653404010053	8500220076918	Nùng Seo	Ngọc	06/11/1998	Nùng	KH Quản lý - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
260	DTZ1653404010027	8500220060490	Đặng Thị	Nhất	02/07/1997	Dao	KH Quản lý - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
261	DTZ1653404010033	8500220061696	Xa Văn	Quang	18/11/1998	Mường	KH Quản lý - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
262	DTZ1653404010011	8500220059738	Triệu Mùi	Sao	26/09/1998	Dao	KH Quản lý - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
263	DTZ1653404010041	8500220110763	Sì Go	Sinh	03/10/1997	Hà nhì	KH Quản lý - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
264	DTZ1653404010043	8500220076924	Sùng Mí	Sò	17/02/1997	Mông	KH Quản lý - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
265	DTZ1653404010021	8500220060381	Phùng Thị	Tuyết	10/01/1997	Nùng	KH Quản lý - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
266	DTZ1653404010028	8500220060504	Hùng Thị	Viên	17/01/1994	Pà thên	KH Quản lý - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
267	DTZ1752340401023	8500220124462	Hạng Thị	Chớ	21/09/1998	Hơ mông	KH Quản lý - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
268	DTZ1752340401014	8500220124479	Lý Bá	Cò	22/09/1999	Hơ mông	KH Quản lý - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
269	DTZ1752340401017	8500220124506	Lý Văn	Đại	24/02/1998	Xuông	KH Quản lý - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
270	DTZ1752340401016	8500220124558	Quàng Thị	Hoa	28/08/1999	Thái	KH Quản lý - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
271	DTZ1752340401012	8500220124620	Giàng A	Sang	20/04/1999	Hơ mông	KH Quản lý - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
272	DTZ1752340401001	8500220124643	Lù A	Sênh	22/04/1999	Hơ mông	KH Quản lý - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
273	DTZ1752340401018	8500220124637	Sùng A	Sinh	25/03/1999	Hơ mông	KH Quản lý - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
274	DTZ1752340401024	8500220124666	Lý Bá	Thành	19/04/1999	Hơ mông	KH Quản lý - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
275	DTZ1453801010030	8500220039333	Nguyễn Thị	Chúc	31/08/1995	Tày	Luật A - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
276	DTZ1453801010002	8500220038399	Hạng A	Khu	13/06/1995	Hơ mông	Luật A - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
277	DTZ1453801010045	#N/A	Bế Thị	Quyết	04/08/1996	Tày	Luật A - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
278	DTZ1453801010042	8500220038780	Triệu Thị	Quyết	15/01/1996	Dao	Luật A - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
279	DTZ1453801010053	8500220038800	Lý Văn	Thân	27/04/1996	Nùng	Luật A - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
280	DTZ1453801010026	8500220039730	Vì Thị	Thuận	30/01/1996	Nùng	Luật A - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
281	DTZ1453801010014	8500220038166	Lý Văn	Tuấn	07/01/1996	Dao	Luật A - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
282	DTZ1453801010086	8500220038274	Vừ A	Cầu	27/03/1996	Mông	Luật B - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000

STT	MÃ SINH VIÊN	SỐ TK	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN /THÁNG	Số tháng	TỔNG TIỀN
283	DTZ1453801010100	8500220038382	Vàng Lò	De	27/07/1996	La hủ	Luật B - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
284	DTZ1453801010104	8500220039202	Mua Thị	Dính	10/05/1995	Mông	Luật B - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
285	DTZ1453801010111	8911205014397	Thào Thị	Dính	16/06/1994	Hơ mông	Luật B - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
286	DTZ1453801010096	8500220039718	Đinh Thị	Dịu	20/06/1996	Tày	Luật B - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
287	DTZ1453801010112	8500220038195	Lầu Thị	Dợ	15/10/1996	Hơ mông	Luật B - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
288	DTZ1453801010109	8500205138123	Lường Thu	Hiền	01/05/1996	Tày	Luật B - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
289	DTZ1453801010114	8500220044231	Sùng A	Hồ	10/09/1996	Mông	Luật B - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
290	DTZ1453801010221	8500220047774	Lý Cá	Hừ	20/03/1996	Hà nhĩ	Luật B - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
291	DTZ1453801010080	8500220039248	Ma Thị	Hường	17/08/1995	Tày	Luật B - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
292	DTZ1453801010081	8500220039219	Tổng Thị	Lệ	27/06/1995	Tày	Luật B - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
293	DTZ1453801010088	8500220038410	Lành Thị	Mến	03/11/1996	Tày	Luật B - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
294	DTZ1453801010115	7803205026562	Tẩn Yêu	Mìn	12/04/1995	Dao	Luật B - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
295	DTZ1453801010083	8500220039362	Giàng A	Pó	06/01/1996	Mông	Luật B - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
296	DTZ1453801010091	8500220038143	Lò Văn	Tâm	17/06/1996	Thái	Luật B - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
297	DTZ1453801010094	7805205038940	Hà Thu	Thương	01/07/1995	Thái	Luật B - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
298	DTZ1453801010099	8500220039572	Hà Thị	Tiến	14/07/1995	Thái	Luật B - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
299	DTZ1453801010113	8500220039067	Nông Thị	Vân	22/01/1996	Nùng	Luật B - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
300	DTZ1453801010153	8500220044668	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	02/08/1996	Nùng	Luật C - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
301	DTZ1453801010202	8500220046351	Nông Văn	Hành	07/06/1996	Tày	Luật C - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
302	DTZ1553801010006	8500220047984	Trần Ngọc	Ánh	26/04/1996	Tày	Luật A - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
303	DTZ1553801010075	8500220049684	Nông Thị	Hoa	19/06/1996	Nùng	Luật A - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
304	DTZ1553801010077	8500220049770	Nông Thị	Hoài	16/10/1997	Tày	Luật A - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
305	DTZ1553801010094	8305205028099	Long Thị	Hường	04/02/1997	Nùng	Luật A - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
306	DTZ1553801010109	8500220049185	Vì Thị	Lan	12/09/1996	Nùng	Luật A - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
307	DTZ1553801010131	8500220049474	Giàng A	Lử	19/02/1997	Mông	Luật A - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
308	DTZ1553801010190	8500220049530	Đoàn Thanh	Tâm	17/09/1997	Tày	Luật A - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
309	DTZ1553801010296	8500220055375	Bùi Anh	Tuấn	18/01/1997	Mường	Luật A - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
310	DTZ1553801010231	8500220048929	Triệu Tiến	Tường	06/05/1996	Dao	Luật A - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
311	DTZ1553801010235	8500220048941	Hà Thị Bích	Việt	25/01/1997	Tày	Luật A - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
312	DTZ1553801010016	7804205045619	Đao Thị	Chi	15/05/1997	Thái	Luật B - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
313	DTZ1553801010022	8500220048284	Mùa A	Dà	06/02/1996	Mông	Luật B - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
314	DTZ1553801010031	8311205029232	Chu Thị	Điểm	21/05/1996	Tày	Luật B - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000

STT	MÃ SINH VIÊN	SỐ TK	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN /THÁNG	Số tháng	TỔNG TIỀN
315	DTZ1553801010251	8500220055369	Nguyễn Văn	Dinh	05/11/1996	Tày	Luật B - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
316	DTZ1553801010040	8500220048538	Phan Thị	Dung	25/04/1996	Nùng	Luật B - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
317	DTZ1553801010043	8500220048567	Sùng	Dũng	01/01/1997	Mông	Luật B - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
318	DTZ1553801010054	#N/A	Hoàng Thu	Hà	05/01/1996	Tày	Luật B - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
319	DTZ1553801010058	8500220048407	Bùi Thị Thái	Hà	07/02/1996	Dao	Luật B - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
320	DTZ1553801010071	8500220038659	Lý Thị	Hiện	14/02/1995	Xuông	Luật B - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
321	DTZ1553801010084	8500220049980	Nguyễn Thị	Huế	17/01/1997	Tày	Luật B - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
322	DTZ1553801010087	8500220050053	Nông Thị	Huệ	21/02/1997	Nùng	Luật B - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
323	DTZ1553801010254	8500220055070	Vy Hồng	Hường	02/06/1996	Nùng	Luật B - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
324	DTZ1553801010184	8500220049083	Giàng A	Khua	05/07/1994	Hơ mông	Luật B - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
325	DTZ1553801010313	8310205036446	Nông Thị Mĩ	Lan	08/10/1997	Tày	Luật B - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
326	DTZ1553801010111	8500220049206	Thào A	Lao	10/01/1996	Mông	Luật B - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
327	DTZ1553801010137	8500220049603	Pờ Pờ	Mé	10/04/1996	Hà nhì	Luật B - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
328	DTZ1553801010138	8500220049626	Trần Hồng	Miên	17/03/1995	Nùng	Luật B - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
329	DTZ1553801010149	8205205014498	Lệnh Thị	Nga	15/11/1996	Tày	Luật B - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
330	DTZ1553801010172	8500220048210	Sùng Thị	Phóng	07/06/1997	Mông	Luật B - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
331	DTZ1553801010260	8500220049950	Triệu Càn	Phương	15/09/1995	Dao	Luật B - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
332	DTZ1553801010173	8500220048521	Lò Thị	Po	15/04/1996	Thái	Luật B - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
333	DTZ1553801010284	8500220054894	Đặng Thị	Sinh	20/04/1996	Dao	Luật B - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
334	DTZ1553801010267	#N/A	Hoàng Thị	Thu	26/05/1997	Tày	Luật B - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
335	DTZ1553801010208	7803205031880	Mùa Thị Hoạch	Thu	09/09/1997	Mông	Luật B - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
336	DTZ1553801010212	8500220048698	Lường Thị	Thúy	22/06/1997	Tày	Luật B - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
337	DTZ1553801010270	8500220050060	Vàng Thị	Xuyến	27/07/1997	Thái	Luật B - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
338	DTZ1553801010245	8500220055953	Nông Thị	Bốn	27/02/1997	Nùng	Luật C - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
339	DTZ1553801010010	8500220048039	Thào Thị	Châu	10/01/1996	Hơ mông	Luật C - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
340	DTZ1553801010015	#N/A	Vàng Thị Kim	Chi	03/09/1997	Thái	Luật C - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
341	DTZ1553801010322	8500220054980	Cứ A	Dờ	15/04/1996	Hơ mông	Luật C - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
342	DTZ1553801010049	#N/A	Sông A	Già	30/01/1996	Mông	Luật C - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
343	DTZ1553801010053	8500220048226	Tần A	Goong	09/02/1997	Dao	Luật C - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
344	DTZ1553801010093	8500220050149	Phan Thị Thu	Hường	06/08/1996	Tày	Luật C - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
345	DTZ1553801010341	8500220055976	Chá A	Lồng	01/09/1997	Hơ mông	Luật C - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
346	DTZ1553801010130	8500220049445	Sùng A	Lừ	08/05/1996	Hơ mông	Luật C - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000

STT	MÃ SINH VIÊN	SỐ TK	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN /THÁNG	Số tháng	TỔNG TIỀN
347	DTZ1553801010132	8500220056775	Sùng Seo	Lữ	01/08/1996	Mông	Luật C - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
348	DTZ1553801010141	8500220049740	Giàng Cao	Minh	24/05/1996	Mông	Luật C - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
349	DTZ1553801010320	8500220055398	Cầm Văn	Phuong	28/09/1997	Thái	Luật C - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
350	DTZ1553801010298	8500220054763	Vừ A	Pó	16/11/1997	Mông	Luật C - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
351	DTZ1553801010175	8500220050307	Phùng Xừ	Pứ	08/03/1997	Hà nhì	Luật C - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
352	DTZ1553801010182	8500220049060	Khang A	Sàng	10/03/1997	Mông	Luật C - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
353	DTZ1553801010183	8500220049077	Vừ A	Sênh	07/03/1996	Mông	Luật C - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
354	DTZ1553801010191	8500220049560	Lầu A	Thái	21/12/1997	Mông	Luật C - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
355	DTZ1553801010193	8500220049655	Lò Thị	Thanh	08/05/1997	Thái	Luật C - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
356	DTZ1553801010195	7906205038951	Lường Văn	Thành	10/01/1997	Thái	Luật C - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
357	DTZ1553801010209	8500220048669	Nông Thị Hoài	Thương	16/11/1997	Tày	Luật C - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
358	DTZ1553801010337	8500220056299	Nguyễn Phương	Trang	27/04/1996	Nùng	Luật C - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
359	DTZ1553801010240	8500220048970	Hoàng Hải	Yến	15/02/1997	Tày	Luật C - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
360	DTZ1553801010009	#N/A	Vàng Thị	Chăm	12/11/1997	Thái	Luật D - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
361	DTZ1553801010246	8500220049480	Vừ A	Chinh	16/05/1995	Hơ mông	Luật D - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
362	DTZ1553801010292	8500220056072	Hạng A	Chua	06/01/1999	Mông	Luật D - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
363	DTZ1553801010023	8500220048290	Triệu Văn	Đại	24/10/1996	Dao	Luật D - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
364	DTZ1553801010281	8500220054909	Triệu Thị	Ghền	03/07/1997	Dao	Luật D - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
365	DTZ1553801010052	8500220048147	Thào A	Giàng	01/02/1997	Mông	Luật D - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
366	DTZ1553801010062	8500220049031	Đào Thị Hồng	Hạnh	03/08/1996	Tày	Luật D - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
367	DTZ1553801010102	8500220049110	Sùng A	Khua	01/01/1997	Mông	Luật D - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
368	DTZ1553801010114	#N/A	Lò Thị	Lim	10/09/1996	Giáy	Luật D - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
369	DTZ1553801010289	8500220055766	Sùng Thị	Mai	26/11/1997	Mông	Luật D - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
370	DTZ1553801010139	8500220049661	Lù Thị	Miền	03/06/1997	Giáy	Luật D - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
371	DTZ1553801010158	8500220047899	Thèn Thị	Ngư	09/01/1996	Nùng	Luật D - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
372	DTZ1553801010331	8905205070465	Sùng A	Phênh	02/12/1995	Mông	Luật D - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
373	DTZ1553801010174	8500220048719	Pờ Dền	Pò	10/10/1995	Hà nhì	Luật D - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
374	DTZ1553801010264	8500220050257	Lầu Hồ	Sính	09/01/1999	Hơ mông	Luật D - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
375	DTZ1553801010194	#N/A	Lý A	Thanh	07/05/1996	Hơ mông	Luật D - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
376	DTZ1553801010347	8806205054806	Tráng Thị	Thảo	05/04/1996	Phù lá	Luật D - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
377	DTZ1553801010334	8500220056384	Tổng Thị	Thầy	21/04/1997	Thái	Luật D - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
378	DTZ1553801010333	8500220054786	Mùa A	Thênh	20/04/1996	Mông	Luật D - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000

STT	MÃ SINH VIÊN	SỐ TK	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN /THÁNG	Số tháng	TỔNG TIỀN
379	DTZ1553801010213	8500220048702	Đao Thị	Thúy	05/09/1997	Thái	Luật D - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
380	DTZ1553801010216	8500220048731	Hà Thị	Thủy	10/02/1996	Thái	Luật D - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
381	DTZ1553801010205	8500220048413	Lò Văn	Thiếu	04/03/1997	Thái	Luật D - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
382	DTZ1553801010288	8309205074114	Hồng Thị	Vàng	28/06/1995	Mông	Luật D - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
383	DTZ1553801010297	8500220054770	Vàng A	Vừ	20/10/1997	Mông	Luật D - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
384	DTZ1553801010236	8500220051510	Sùng Thị	Xê	03/07/1997	Mông	Luật D - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
385	DTZ1553801010317	8500220055165	Ngọc Thị	Yến	28/05/1997	Tày	Luật D - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
386	DTZ1553801010350	8205205012276	Mai Ngọc	Chính	13/10/1991	Mông	Luật Hà Giang - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
387	DTZ1553801010386	#N/A	Trần Thị Thu	Đẹp	08/02/1997	Tày	Luật Hà Giang - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
388	DTZ1553801010360	8200205205062	Vàng Mí	Lúa	18/09/1994	Mông	Luật Hà Giang - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
389	DTZ1553801010364	8200205205056	Lý Mùi	Phìn	03/06/1995	Dao	Luật Hà Giang - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
390	DTZ1553801010366	#N/A	Lộc Thị	Quy	15/07/1996	Tày	Luật Hà Giang - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
391	DTZ1553801010372	8200205205027	Lù Seo	Thức	05/04/1995	Nùng	Luật Hà Giang - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
392	DTZ1553801010400	#N/A	Hoàng Thị Kim	Thương	29/04/1997	Tày	Luật Hà Giang - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
393	DTZ1553801010401	8200205205611	Đoàn Thị	Thúy	01/03/1997	Tày	Luật Hà Giang - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
394	DTZ1653801010046	8500220057023	Liễu Thị	Châm	28/12/1998	Trại	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
395	DTZ1653801010024	8500220057414	Hoàng Thị	Châm	15/10/1997	Tày	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
396	DTZ1653801010068	8500220056991	Lò Văn	Chường	10/07/1996	Thái	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
397	DTZ1653801010045	8500220057017	Thào Thị	Cúc	10/12/1997	Hơ mông	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
398	DTZ1653801010083	8501205123548	Giàng Thìn	Hai	04/03/1997	Mông	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
399	DTZ1653801010048	8500220057046	Đồng Văn	Huy	22/11/1996	Tày	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
400	DTZ1653801010062	#N/A	Tráng Seo	Nở	25/05/1998	Mông	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
401	DTZ1653801010071	8500220057081	Thào Thị	Nguyệt	26/04/1995	Mông	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
402	DTZ1653801010082	8500220057227	Bàn Mùi	Nhim	11/08/1998	Dao	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
403	DTZ1653801010058	8903205064633	Lường Văn	Son	18/10/1998	Thái	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
404	DTZ1653801010080	8500220062568	Mào Thanh	Son	17/12/1998	Thái	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
405	DTZ1653801010052	8500220062522	Triệu Ngọc	Tăng	01/02/1996	Dao	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
406	DTZ1653801010072	8500220057098	Lương Thị	Thương	21/01/1998	Nùng	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
407	DTZ1653801010028	8500220057443	Mùa A	Tính	07/12/1997	Hơ mông	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
408	DTZ1653801010078	8500220077434	Giàng A	Vàng	21/10/1998	Mông	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
409	DTZ1653801010086	8207205022693	Cháng Văn	Việt	07/02/1997	Nùng	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
410	DTZ1653801010051	8500220057131	Trần Thị	Vinh	14/09/1996	Tày	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000

STT	MÃ SINH VIÊN	SỐ TK	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN /THÁNG	Số tháng	TỔNG TIỀN
411	DTZ1653801010138	8500220059195	Phu Hờ	Be	01/03/1998	Hà nhĩ	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
412	DTZ1653801010063	8500220056910	Lù Văn	Chiều	15/04/1998	Nùng	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
413	DTZ1653801010095	8500220052360	Hồ Thị	Chung	08/09/1997	Nùng	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
414	DTZ1653801010093	8500220057920	Mùa Thị	Cu	01/01/1998	Hơ mông	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
415	DTZ1653801010155	8500220058288	Sùng A	Dinh	09/03/1998	Mông	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
416	DTZ1653801010135	8500220059166	Lò Thị	Hải	22/01/1997	Thái	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
417	DTZ1653801010172	8500220058525	Cháng A	Hạnh	20/03/1997	Hơ mông	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
418	DTZ1653801010113	8305205034129	Hoàng Thị	Len	04/09/1998	Nùng	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
419	DTZ1653801010115	8500220058895	Nguyễn Thị	Mai	29/03/1998	Nùng	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
420	DTZ1653801010179	8500220058590	Đàm Thị	Minh	16/05/1997	Tày	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
421	DTZ1653801010118	8500220058980	Thắm Thị	Nguyên	25/04/1998	Tày	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
422	DTZ1653801010120	8500220059029	Sùng Sênh	Páo	15/01/1998	Mông	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
423	DTZ1653801010169	8500220062863	Mùa A	Phình	01/04/1997	Hơ mông	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
424	DTZ1653801010141	8500220059216	Giàng Thị	Súa	06/03/1998	Hơ mông	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
425	DTZ1653801010130	8500220058350	Giàng Xuân	Thành	15/05/1998	Hơ mông	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
426	DTZ1653801010136	8500220059172	Nông Thị	Thư	06/03/1997	Tày	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
427	DTZ1653801010144	8500220059245	Ly A	Trống	12/08/1994	Hơ mông	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
428	DTZ1653801010140	8500220059200	Giàng A	Trung	01/10/1998	Mông	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
429	DTZ1653801010154	8500220058271	Giàng Thị	Trang	10/09/1998	Mông	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
430	DTZ1653801010143	8500220059239	Châu Văn	Vênh	18/10/1998	Mông	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
431	DTZ1653801010265	8500220061798	Hoàng Thị	Bằng	04/03/1995	Hơ mông	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
432	DTZ1653801010212	8500220058951	Chảo A	Chản	28/08/1998	Dao	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
433	DTZ1653801010181	8500220058627	Sùng A	Cú	03/10/1997	Hơ mông	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
434	DTZ1653801010224	8500220059570	Tổng Thị	Cúc	02/11/1998	Thái	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
435	DTZ1653801010218	8500220059035	Vừ Chổng	Di	16/01/1997	Mông	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
436	DTZ1653801010268	8500220061825	Vạ A	Dia	05/08/1997	Hơ mông	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
437	DTZ1653801010230	#N/A	Hờ Thị	Dợ	10/02/1998	Hơ mông	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
438	DTZ1653801010199	8500220058770	Nguyễn Việt	Dững	24/07/1998	Tày	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
439	DTZ1653801010192	8500220058706	Giàng A	Hồng	21/01/1997	Mông	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
440	DTZ1653801010255	8500220061667	Lý A	Khùa	06/10/1998	Mông	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
441	DTZ1653801010242	8500220059823	Lâm Văn	Lập	16/04/1998	Nùng	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
442	DTZ1653801010257	8500220061700	Vàng A	Lâu	19/02/1998	Mông	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000

STT	MÃ SINH VIÊN	SỐ TK	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN /THÁNG	Số tháng	TỔNG TIỀN
443	DTZ1653801010223	8500220061890	Bàn Văn	Lực	16/06/1995	Dao	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
444	DTZ1653801010248	#N/A	Lê Thị Khánh	Ly	15/02/1998	Tày	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
445	DTZ1653801010197	#N/A	Lường Thị	Mai	27/09/1997	Nùng	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
446	DTZ1653801010258	8500220061723	Giàng Thùy	Mai	28/10/1998	Mông	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
447	DTZ1653801010210	8500220058922	Lý A	Mang	04/07/1998	Mông	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
448	DTZ1653801010206	8500220058820	Đàm Văn	Nam	09/08/1998	Nùng	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
449	DTZ1653801010208	8500220058889	Sùng Ba	Nam	14/10/1997	Mông	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
450	DTZ1653801010209	8500220058900	Giàng A	Nénh	12/10/1996	Hơ mông	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
451	DTZ1653801010183	8500220061638	Giàng A	Nính	05/08/1998	Mông	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
452	DTZ1653801010252	8207205023571	Vàng Seo	Quang	15/09/1998	Nùng	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
453	DTZ1653801010190	8500220059268	Vàng Thị	Tấu	28/09/1998	Hơ mông	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
454	DTZ1653801010237	8500220059767	Lý Trung	Thành	08/12/1998	Hà nhì	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
455	DTZ1653801010214	8500220059274	Nguyễn Thị	Thương	27/02/1998	Nùng	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
456	DTZ1653801010222	8500220059563	Mào Thị	Thúy	14/04/1998	Thái	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
457	DTZ1653801010219	8500220059534	Ma Hương	Thùy	21/08/1997	Tày	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
458	DTZ1653801010254	7804205039911	Lò Thị	Tình	07/08/1998	Thái	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
459	DTZ1653801010256	#N/A	Vàng A	Vá	23/10/1996	Hơ mông	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
460	DTZ1653801010198	8500220058764	Pờ Khò	Xó	26/06/1998	Hà nhì	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
461	DTZ1653801010294	8500220060670	Chu Thành	Biên	13/07/1998	Tày	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
462	DTZ1653801010343	8500220063309	Sộng A	Chư	06/06/1997	Hơ mông	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
463	DTZ1653801010349	8500220063583	Giàng A	Của	13/04/1996	Mông	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
464	DTZ1653801010293	8500220060641	Chấu Sín	Cung	20/06/1998	Mông	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
465	DTZ1653801010325	#N/A	Triệu Thị Thanh	Doãn	21/08/1998	Tày	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
466	DTZ1653801010320	8500220063481	Chu Phì	Giá	18/07/1998	Hà nhì	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
467	DTZ1653801010352	8500220063590	Hoàng Thị Thu	Hòa	30/09/1997	CaoLan	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
468	DTZ1653801010303	8500220060714	Hoàng Thị	Hương	07/12/1998	Nùng	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
469	DTZ1653801010287	8500220077326	Nay	Luân	22/12/1997	Gia rai	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
470	DTZ1653801010329	8500220063525	Lò Thị	Luọc	14/09/1997	Lào	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
471	DTZ1653801010313	8500220062102	Kim Thiên	Nga	12/12/1998	Nùng	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
472	DTZ1653801010316	8500220062125	Triệu Thu	Nguyệt	02/07/1998	Dao	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
473	DTZ1653801010357	8500220063430	Lý Thị	Oanh	07/02/1998	Tày	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
474	DTZ1653801010304	8500220062075	Mùa Thị	Phénh	05/06/1998	Mông	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000

STT	MÃ SINH VIÊN	SỐ TK	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN /THÁNG	Số tháng	TỔNG TIỀN
475	DTZ1653801010286	8500220062023	Hoàng Thị	Phượng	21/07/1997	Nùng	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
476	DTZ1653801010305	8500220060720	Vừ A	Pó	07/10/1998	Hơ mông	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
477	DTZ1653801010306	8500220064093	Và A	Sềnh	25/04/1997	Hơ mông	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
478	DTZ1653801010297	8500220061940	Phàn Láo	Sì	17/08/1998	Dao	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
479	DTZ1653801010291	8500220060629	Cứ A	Súa	04/01/1996	Hơ mông	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
480	DTZ1653801010327	8500220063519	Vàng	Thanh	07/02/1998	Mông	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
481	DTZ1653801010319	8500220062131	Giàng A	Và	06/12/1995	Hơ mông	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
482	DTZ1653801010324	#N/A	Sùng A	Và	20/11/1998	Hơ mông	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
483	DTZ1653801010371	8500220060816	Vừ A	Anh	25/10/1998	Mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
484	DTZ1653801010444	8500220061486	Mùa A	Bình	05/04/1998	Mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
485	DTZ1653801010428	8500220061197	Sùng A	Chính	18/08/1998	Mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
486	DTZ1653801010409	8500220060960	Ma A	Chơ	03/03/1996	Mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
487	DTZ1653801010372	8500220060822	Vàng A	Chứ	30/07/1996	Mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
488	DTZ1653801010383	8500220061014	Thào A	Cú	01/02/1996	Hơ mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
489	DTZ1653801010443	8500220061470	Hàng A	Da	22/06/1997	Hơ mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
490	DTZ1653801010391	8500220061253	Hoàng Thị	Dí	03/03/1997	Hơ mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
491	DTZ1653801010396	8500220061303	Nguyễn Thị	Diễn	06/08/1998	Tày	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
492	DTZ1653801010408	8500220060947	Hồ Thị	Đông	15/03/1997	Mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
493	DTZ1653801010450	8500220061860	Nguyễn Xuân	Giáp	07/10/1995	Tày	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
494	DTZ1653801010431	8500220061230	Đặng Thu	Hà	27/10/1998	Dao	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
495	DTZ1653801010419	8500220061116	Ly A	Hạnh	16/08/1998	Mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
496	DTZ1653801010362	8500220060743	Lương Thúy	Hiên	13/06/1998	Nùng	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
497	DTZ1653801010433	8500220061326	Lầu A	Hờ	09/09/1998	Hơ mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
498	DTZ1653801010400	8500220061378	Bế Nhật	Hoàng	24/08/1997	Tày	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
499	DTZ1653801010378	8500220060874	Lầu A	Hồng	07/10/1997	Hơ mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
500	DTZ1653801010395	8500220061299	Trần Sĩ	Hùng	30/01/1997	Nùng	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
501	DTZ1653801010394	8500220061282	Hoàng Văn	Hung	04/10/1998	Tày	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
502	DTZ1653801010388	8500220061122	Sùng A	Kinh	17/03/1998	Hơ mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
503	DTZ1653801010418	8500220061095	Triệu La	Lắm	29/08/1995	Tày	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
504	DTZ1653801010445	8500220055658	Cáo Thị	Lan	02/01/1996	Nùng	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
505	DTZ1653801010448	8500220061492	Triệu Thúy	Lan	20/06/1997	Dao	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
506	DTZ1653801010397	8500220061349	Nguyễn Thị	Mai	15/08/1997	Tày	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000

STT	MÃ SINH VIÊN	SỐ TK	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN /THÁNG	Số tháng	TỔNG TIỀN
507	DTZ1653801010436	8500220061434	Lý Pờ	Mé	15/05/1997	Hà nhĩ	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
508	DTZ1653801010437	8500220061440	Đặng Mùi	Nái	02/09/1998	Dao	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
509	DTZ1653801010393	8500220061276	Hoàng Thị	Nguyệt	27/10/1998	Tày	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
510	DTZ1653801010447	8500220061513	Lò Ló	Nu	15/06/1997	Hà nhĩ	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
511	DTZ1653801010382	8500220060982	Giàng A	Páo	22/12/1998	Mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
512	DTZ1653801010374	8500220060845	Sùng A	Phổng	15/08/1997	Hơ mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
513	DTZ1653801010387	8500220060664	Hàng A	Sở	12/09/1997	Mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
514	DTZ1653801010430	8500220061201	Vàng Thị	Thu	11/02/1998	Nùng	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
515	DTZ1653801010438	#N/A	Nguyễn Văn	Thuận	25/05/1996	Tày	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
516	DTZ1653801010416	8500220061066	Triệu Thị	Tơ	17/12/1997	Dao	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
517	DTZ1653801010380	8500220060901	Thào A	Trừ	19/05/1997	Hơ mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
518	DTZ1653801010413	#N/A	Ly A	Và	07/06/1994	Hơ mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
519	DTZ1653801010402	8500220061390	Lao Thị	Vân	14/05/1998	Nùng	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
520	DTZ1653801010486	8500220077802	Vàng A	Dénh	10/05/1996	Mông	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
521	DTZ1653801010452	8500220061956	Hoàng Thị	Diệp	08/04/1998	Tày	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
522	DTZ1653801010466	8500220077168	Nông Thị Thùy	Dương	03/09/1998	Tày	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
523	DTZ1653801010464	8500220077717	Sùng Thị	Già	20/04/1996	Mông	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
524	DTZ1653801010463	8500220077673	Cử Mí	Giố	01/02/1997	Mông	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
525	DTZ1653801010497	8500220077116	Chu Thị Thu	Hà	27/01/1998	Tày	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
526	DTZ1653801010507	8500220077615	Nông Tiến	Hào	21/08/1995	Tày	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
527	DTZ1653801010485	#N/A	Lương Trung	Hiếu	04/12/1997	Nùng	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
528	DTZ1653801010490	8500220077180	Lý Thị Ái	Linh	20/11/1998	Mường	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
529	DTZ1653801010495	8500220077775	Đàm Thị	Lương	29/03/1997	Nùng	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
530	DTZ1653801010478	8500220077638	Nông Hồng	Ly	14/10/1998	Tày	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
531	DTZ1653801010459	#N/A	Pờ Xa	Mé	07/12/1997	Hà nhĩ	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
532	DTZ1653801010468	8500220064108	Lý Xó	Nu	16/07/1997	Hà nhĩ	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
533	DTZ1653801010465	8500220077151	Lương Thị	Phương	10/08/1998	Nùng	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
534	DTZ1653801010481	8500220077696	Sùng A	Sinh	06/04/1998	Hơ mông	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
535	DTZ1653801010499	8500220077230	Ly A	Sù	07/08/1998	Mông	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
536	DTZ1653801010476	8500220077730	Thào Thị	Sung	12/07/1998	Mông	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
537	DTZ1653801010511	8500220077877	Giàng A	Trầu	02/03/1996	Mông	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
538	DTZ1653801010455	8500220061854	Thào A	Trầu	07/05/1998	Mông	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000

STT	MÃ SINH VIÊN	SỐ TK	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN /THÁNG	Số tháng	TỔNG TIỀN
539	DTZ1653801010483	8500220077095	Nguyễn Thị	Tượng	07/10/1998	Tày	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
540	DTZ1653801010502	8500220077854	Mùa A	Vàng	17/09/1998	Mông	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
541	DTZ1653801010501	8500220077201	Lò Thị	Võ	31/10/1998	Thái	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
542	DTZ1653801010461	8500220078618	Sinh Thị	Yến	01/07/1997	Lô lô	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
543	DTZ1752380101075	8500220122394	Hoàng Văn	Đành	22/06/1998	Mông	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
544	DTZ1752380101026	8500220122371	Vừ A	Dia	20/12/1999	Mông	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
545	DTZ1752380101094	8500220122415	Thào Thị	Giàng	20/06/1999	Mông	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
546	DTZ1752380101072	8500220122421	Lường Văn	Hà	06/07/1999	Thái	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
547	DTZ1752380101051	8500220122438	Thào A	Hai	04/10/1999	Hơ mông	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
548	DTZ1752380101033	8500220122480	Hà Thị	Hạnh	06/08/1999	Thái	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
549	DTZ1752380101001	8500220122575	Triệu Đức	Khiêm	30/04/1999	Dao	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
550	DTZ1752380101093	8500220122581	Vàng Thị Mai	Lan	04/10/1999	Mông	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
551	DTZ1752380101059	8500220122625	Hoàng Thị	Linh	01/09/1999	Sán Chí	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
552	DTZ1752380101014	#N/A	Lò Thị	Nga	06/03/1999	Thái	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
553	DTZ1752380101068	8500220122779	Chang A	Sang	05/02/1998	Mông	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
554	DTZ1752380101091	8500220122785	Sùng A	Sính	10/11/1998	Hơ mông	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
555	DTZ1752380101096	8500220122791	Sùng A	Sò	02/05/1998	Mông	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
556	DTZ1752380101041	8500220122829	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	06/07/1999	Tày	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
557	DTZ1752380101049	#N/A	Thào A	Thắng	01/06/1999	Mông	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
558	DTZ1752380101002	8500220122835	Giàng A	Thào	05/09/1998	Mông	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
559	DTZ1752380101048	#N/A	Hà Thị	Thùy	02/06/1999	Tày	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
560	DTZ1752380101079	8500220122812	Cứ A	Tủa	12/01/1998	Mông	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
561	DTZ1752380101140	8500220123106	Thào A	Chớ	24/03/1998	Hơ mông	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
562	DTZ1752380101160	8500220123141	Nông Kiều	Diễm	01/04/1999	Nùng	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
563	DTZ1752380101175	8500 220123135	Sùng Thị	Dợ	16/11/1999	Mông	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
564	DTZ1752380101120	8500 220123187	Thào A	Già	06/07/1998	Hơ mông	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
565	DTZ1752380101141	8500220123289	Hoàng Thị	Huệ	27/07/1999	Tày	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
566	DTZ1752380101162	8500 220123380	Quảng Thị	Kiểm	14/06/1998	Phù lá	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
567	DTZ1752380101146	#N/A	Nông Hoàng	Kiên	07/04/1999	Tày	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
568	DTZ1752380101190	8500 220123499	Đinh Liễu	Phượng	05/09/1999	Tày	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
569	DTZ1752380101131	8500220123503	Giàng A	Pó	07/10/1998	Hơ mông	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
570	DTZ1752380101156	8500220123549	Mua Mí	Sáng	01/10/1998	Mông	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000

STT	MÃ SINH VIÊN	SỐ TK	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN /THÁNG	Số tháng	TỔNG TIỀN
571	DTZ1752380101130	8500220123561	Vàng A	Sĩ	15/06/1999	Mông	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
572	DTZ1752380101170	8500220123555	Sùng Thị	Sua	16/10/1999	Hơ mông	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
573	DTZ1752380101124	#N/A	Hoàng Thị	Thủy	07/01/1999	Tày	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
574	DTZ1752380101195	8500220123663	Hoàng Anh	Tuấn	20/08/1998	Nùng	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
575	DTZ1752380101155	#N/A	Lô Thị Kim	Tuyển	22/05/1999	Nùng	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
576	DTZ1752380101126	8500220123759	Sùng A	Vàng	21/12/1998	Mông	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
577	DTZ1752380101202	8500220120301	Ma A	Bác	19/05/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
578	DTZ1752380101205	8500220120360	Và A	Chía	01/02/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
579	DTZ1752380101227	8500220120382	Lý A	Chua	19/09/1998	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
580	DTZ1752380101225	8500220120410	Lò Thị	Diên	09/09/1998	Khơ mú	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
581	DTZ1752380101268	8500220120432	Giàng A	Dững	20/10/1996	Hơ mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
582	DTZ1752380101207	8500220120455	Vàng A	Dững	01/04/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
583	DTZ1752380101288	#N/A	La Thị	Hạnh	24/08/1996	Nùng	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
584	DTZ1752380101277	8500220120484	Vừ A	Hờ	25/10/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
585	DTZ1752380101247	8500220120490	Lò Đức	Học	13/08/1999	Thái	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
586	DTZ1752380101209	8500220120505	Hạng A	Hồng	25/06/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
587	DTZ1752380101258	8500220120586	Sùng Thị	Lía	29/09/1998	Hơ mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
588	DTZ1752380101246	8500220120563	Vy Thị	Lịch	19/09/1999	Nùng	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
589	DTZ1752380101204	8500220120613	Chang Thị	Lú	17/08/1999	Hơ mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
590	DTZ1752380101257	8500220120636	Sùng Thị	Má	06/08/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
591	DTZ1752380101217	8500220120671	Vừ A	Nhìa	12/08/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
592	DTZ1752380101220	8500220120688	Và A	Phá	07/11/1998	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
593	DTZ1752380101248	8500220120709	Lý Go	Pư	20/05/1999	Hà nhì	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
594	DTZ1752380101234	#N/A	Lý Văn	Quý	08/02/1999	Cống	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
595	DTZ1752380101215	8500220120750	Hờ Thị	Sùng	07/08/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
596	DTZ1752380101284	8500220120817	Giàng A	Thắng	20/04/1996	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
597	DTZ1752380101236	8500220120767	Tô Thị	Thanh	08/05/1999	Nùng	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
598	DTZ1752380101242	#N/A	Lò Văn	Thao	25/04/1998	Thái	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
599	DTZ1752380101274	8500220120796	Giàng A	Thi	04/09/1998	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
600	DTZ1752380101240	8500220120800	Tần Cao	Thiên	26/12/1999	Dao	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
601	DTZ1752380101260	8500220120830	Vi Văn	Thuận	05/08/1996	Nùng	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
602	DTZ1752380101239	8500220120869	Hồ Thị	Tĩnh	03/04/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000

STT	MÃ SINH VIÊN	SỐ TK	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN /THÁNG	Số tháng	TỔNG TIỀN
603	DTZ1752380101282	#N/A	Vàng Bả	Tú	06/10/1996	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
604	DTZ1752380101251	8500220120960	Và A	Vi	10/09/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
605	DTZ1752380101291	8500220131909	Lý Khừ	Xó	15/06/1999	Hà nhì	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
606	DTZ1752380101290	8500220119722	Pờ Hà	Bắc	04/07/1999	Hà nhì	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
607	DTZ1752380101310	8500220131950	Giàng Văn	Cao	01/09/1999	Mông	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
608	DTZ1752380101309	#N/A	Thào A	Cao	08/12/1999	Hơ mông	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
609	DTZ1752380101254	8500220119768	Chớ A	Chua	02/03/1998	Hơ mông	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
610	DTZ1752380101142	8500220119780	Mùa Thị	Cú	12/02/1999	Mông	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
611	DTZ1752380101166	8500220119739	Sùng A	Của	19/02/1998	Hơ mông	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
612	DTZ1752380101298	8500220119830	Sùng Thị	Dua	06/07/1999	Hơ mông	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
613	DTZ1752380101276	8500220119847	Chu Trung	Dững	06/05/1999	Hà nhì	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
614	DTZ1752380101289	8500220119899	Nguyễn Hồng	Hạnh	25/04/1998	Nùng	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
615	DTZ1752380101077	8500220119882	Lê Minh	Hiếu	25/05/1999	Tày	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
616	DTZ1752380101312	8500220131980	Lý Văn	Hoàng	26/06/1998	Nùng	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
617	DTZ1752380101244	8500220120029	Vi Văn	Long	22/04/1998	Thái	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
618	DTZ1752380101118	8500220120070	Lò Thị	Nhung	20/03/1998	Thái	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
619	DTZ1752380101303	8500220120093	Hạng A	Phừ	16/07/1998	Mông	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
620	DTZ1752380101305	8500220131967	Vàng Xảo	Quảng	05/08/1998	Mông	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
621	DTZ1752380101311	8500220131973	Pờ Lé	Sinh	24/05/1999	Hà nhì	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
622	DTZ1752380101165	8500220120143	Lò Thị Minh	Thư	30/03/1999	Thái	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
623	DTZ1752380101266	8500220120150	Thào A	Tính	12/07/1999	Mông	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
624	DTZ1752380101308	8500220132011	Hoàng Văn	Tu	28/09/1998	Mông	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
625	DTZ1752380101192	8500220120200	Chu Mạnh	Tùng	22/04/1999	Ngái	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
626	DTZ1752380101139	8500220120268	Vi Thị	Yến	28/12/1999	Thái	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
627	DTZ1554401020001	8500220050313	Lành Văn	Hóa	11/05/1993	Tày	Vật Lý - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
628	DTZ1554401020002	8500220050320	Hoàng Thị	Liêm	27/03/1997	Tày	Vật Lý - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
629	DTZ1454402170014	8500220042396	Mông Trung Hiếu	Đức	01/07/1995	Tày	Địa lý - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
630	DTZ1454402170004	8204205027531	Thào Mí	Dùng	26/07/1993	Hơ mông	Địa lý - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
631	DTZ1454402170024	8500220047745	Đồng Thị	Nhẫn	22/03/1996	Tày	Địa lý - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
632	DTZ1454402170001	8500220056588	Ly Seo	Xầu	18/09/1996	Mông	Địa lý - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
633	DTZ1554402170018	8500220054915	Giàng A	Chù	05/07/1996	Hơ mông	Địa lý - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
634	DTZ1554402170002	8500220051917	Bế Tân	Dược	09/09/1995	Tày	Địa lý - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000

STT	MÃ SINH VIÊN	SỐ TK	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN /THÁNG	Số tháng	TỔNG TIỀN
635	DTZ1554402170005	8500220051952	Lô Thị	Sen	24/06/1997	Nùng	Địa lý - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
636	DTZ1554402170006	#N/A	Sùng A	Sử	20/05/1996	Hơ mông	Địa lý - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
637	DTZ1554402170007	8500220051975	Bùi Văn	Thân	03/02/1996	Mường	Địa lý - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
638	DTZ1554402170021	8500220064058	Sùng Thị	Tùng	07/08/1996	Mông	Địa lý - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
639	DTZ1554402170009	#N/A	Mùa A	Váng	11/10/1997	Mông	Địa lý - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
640	DTZ1654402170004	8500220059410	Mìn Thị	Khen	19/10/1997	Cờ lao	Địa lý - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
641	DTZ1654402170003	8500220059426	Đình Quang	Phùng	22/03/1997	Tày	Địa lý - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
642	DTZ1454403010032	#N/A	Lương Thị	Chiêm	28/02/1995	Thái	KH Môi trường - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
643	DTZ1454403010038	8305205027537	Hoàng Văn	Chung	24/12/1996	Nùng	KH Môi trường - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
644	DTZ1454403010014	8500220038528	Triệu Quốc	Đạt	14/01/1996	Tày	KH Môi trường - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
645	DTZ1454403010056	8500220042430	Hoàng Thị	Hạnh	24/07/1996	Nùng	KH Môi trường - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
646	DTZ1454403010005	8500220038620	Hoàng Thị	Hoa	21/09/1996	Nùng	KH Môi trường - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
647	DTZ1454403010031	3509205008421	Hà Thị	Lan	02/02/1995	Mường	KH Môi trường - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
648	DTZ1454403010060	8210205010534	Chào Văn	Lúu	07/07/1995	Dao	KH Môi trường - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
649	DTZ1454403010024	8500220038721	Lý Thị	Nhanh	23/05/1994	Mông	KH Môi trường - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
650	DTZ1454403010048	8500220042344	Chu Thị	Phượng	16/11/1995	Dao	KH Môi trường - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
651	DTZ1454403010001	8500220038478	Nông Thị	Quế	24/12/1996	Nùng	KH Môi trường - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
652	DTZ1454403010047	8500220042338	Hoàng Văn	Toàn	04/04/1995	Tày	KH Môi trường - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
653	DTZ1454403010007	#N/A	Đặng Quang	Vũ	15/07/1996	Hoa	KH Môi trường - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
654	DTZ1554403010001	8500220051351	Giàng A	Dờ	20/06/1994	Hơ mông	KH Môi trường - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
655	DTZ1554403010018	8500220054859	Sầm Minh	Tài	22/11/1995	Thái	KH Môi trường - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
656	DTZ1554403010012	8500220051611	Hoàng Thị	Thu	01/02/1996	Tày	KH Môi trường - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
657	DTZ1654403010003	8500220057545	Hoàng Thị	Đào	14/10/1998	Nùng	KH Môi trường - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
658	DTZ1458501010016	8500220040621	Sùng A	Cha	04/09/1994	Mông	QLTN Môi trường A - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
659	DTZ1458501010036	8500220040644	Nguyễn Văn	Chung	04/03/1996	Dao	QLTN Môi trường A - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
660	DTZ1458501010055	8306205059818	Lương Văn	Chuyên	15/11/1996	Tày	QLTN Môi trường A - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
661	DTZ1458501010011	8809205045006	Hoàng Thị	Cúc	17/12/1996	Tày	QLTN Môi trường A - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
662	DTZ1458501010005	8500220041306	Nông Thị Kim	Cúc	02/09/1995	Tày	QLTN Môi trường A - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
663	DTZ1458501010064	8500220040588	Đình Thị Thu	Hiền	14/07/1996	Tày	QLTN Môi trường A - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
664	DTZ1458501010087	8500220040492	Lý Văn	Hon	20/01/1995	Nùng	QLTN Môi trường A - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
665	DTZ1458501010107	#N/A	Lường Xuân	Hữu	22/08/1996	Nùng	QLTN Môi trường A - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
666	DTZ1458501010056	8500220040700	Phạm Thị	Loan	20/01/1995	Tày	QLTN Môi trường A - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000

STT	MÃ SINH VIÊN	SỐ TK	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN /THÁNG	Số tháng	TỔNG TIỀN
667	DTZ1458501010015	8500220041500	Nông Thị	Nường	18/07/1996	Tày	QLTN Môi trường A - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
668	DTZ1458501010124	8500220043301	Thắm Thị	Chăng	19/08/1996	Tày	QLTN Môi trường B - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
669	DTZ1458501010086	8500220040513	Triệu Ngân	Chi	20/02/1995	Dao	QLTN Môi trường B - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
670	DTZ1458501010083	8107205113075	Ma Công	Hải	30/10/1995	Tày	QLTN Môi trường B - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
671	DTZ1458501010096	8500220041177	Lê Thị	Hoài	11/11/1996	Tày	QLTN Môi trường B - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
672	DTZ1458501010136	8500220047666	Trần Thị	Huệ	16/10/1996	Tày	QLTN Môi trường B - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
673	DTZ1458501010074	8500220041387	Nguyễn Thị	Lan	07/06/1996	Nùng	QLTN Môi trường B - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
674	DTZ1458501010135	8805220007996	Thào Thị	Mai	05/12/1995	Pa cô	QLTN Môi trường B - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
675	DTZ1458501010077	8500220041907	Lường Văn	Ngọc	13/06/1995	Thái	QLTN Môi trường B - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
676	DTZ1458501010080	8500220040486	Lầu A	Phia	12/08/1993	Mông	QLTN Môi trường B - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
677	DTZ1458501010078	8500220040457	Lù Văn	Phúc	09/08/1995	Thái	QLTN Môi trường B - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
678	DTZ1458501010093	8500220041256	Vầy Thị	Soan	23/05/1996	Giáy	QLTN Môi trường B - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
679	DTZ1458501010126	8314205291334	Hoàng Phương	Thảo	20/09/1996	Tày	QLTN Môi trường B - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
680	DTZ1554202010001	8500220050660	Phản A	Ánh	10/08/1997	Dao	QLTN Môi trường - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
681	DTZ1558501010002	3510205089891	Phạm Đình	Cương	27/12/1996	Mường	QLTN Môi trường - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
682	DTZ1558501010005	8500220050733	Vàng Văn	Dương	24/02/1997	Thái	QLTN Môi trường - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
683	DTZ1558501010008	8500220050762	Hồ Thị	Hậu	10/10/1997	Thái	QLTN Môi trường - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
684	DTZ1558501010043	8500220078710	Thào A	Lù	01/12/1996	Mông	QLTN Môi trường - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
685	DTZ1558501010041	8500220056095	Đào Xuân	Lý	01/09/1997	Tày	QLTN Môi trường - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
686	DTZ1558501010020	8500220050914	Vì Thị	Ngọc	06/10/1997	Thái	QLTN Môi trường - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
687	DTZ1558501010034	8500220055880	Thào A	Vừ	12/07/1996	Mông	QLTN Môi trường - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
688	DTZ1658501010005	8500220062732	Quan Thị	Đào	25/09/1998	Tày	QLTN Môi trường - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
689	DTZ1658501010033	8500220078676	Vàng A	Lính	30/09/1998	Hơ mông	QLTN Môi trường - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
690	DTZ1658501010029	#N/A	Phàng A	Minh	10/06/1998	Mông	QLTN Môi trường - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
691	DTZ1658501010021	8500220063111	Nông Nga	Mỹ	16/10/1998	Tày	QLTN Môi trường - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
692	DTZ1658501010031	8500220078000	Ly Thị	Quỳnh	30/04/1997	Nùng	QLTN Môi trường - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
693	DTZ1658501010011	8500220062913	Lý Thị	Trang	26/06/1998	Tày	QLTN Môi trường - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
694	DTZ1658501010008	8500220062834	Giàng A	Tu	16/08/1997	Hơ mông	QLTN Môi trường - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
695	DTZ1658501010018	8500220063061	Vì Thị	Xuân	09/05/1997	Thái	QLTN Môi trường - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
696	DTZ1752850101010	8500220123946	Võ Việt	Anh	07/07/1998	Nùng	QLTN Môi trường - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
697	DTZ1752850101008	8500220123969	Sùng Văn	Ca	12/10/1999	Mông	QLTN Môi trường - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
698	DTZ1752850101009	8500220123981	Đặng Thị	Dết	15/08/2000	Dao	QLTN Môi trường - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000

STT	MÃ SINH VIÊN	SỐ TK	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN /THÁNG	Số tháng	TỔNG TIỀN
699	DTZ1752850101032	8500220131757	Mùa A	Dì	04/07/1998	Hơ mông	QLTN Môi trường - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
700	DTZ1752850101037	8500220142021	Phùng Nhù	Hừ	10/05/1999	Hà nhì	QLTN Môi trường - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
701	DTZ1752850101007	8500220124020	Lù Gó	Ly	05/07/1999	Hà nhì	QLTN Môi trường - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
702	DTZ1752850101031	8500220124036	Lương Thị	Nam	04/12/1999	Thái	QLTN Môi trường - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
703	DTZ1752850101034	8500220131763	Nguyễn Đức	Thắng	18/11/1999	Tày	QLTN Môi trường - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
704	DTZ1752850101035	8500220131770	Sùng A	Tùng	14/07/1999	Hơ mông	QLTN Môi trường - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
705	DTZ1752850101036	8500220142015	Lý Hà	Xe	12/02/1999	Hà nhì	QLTN Môi trường - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
706	DTZ1454202010015	8500220037997	Vừ Bá	Dì	16/06/1995	Hơ mông	CoN Sinh học - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
707	DTZ1454202010017	8500220038093	Tòng Thị	Nguyệt	18/09/1995	Thái	CoN Sinh học - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
708	DTZ1454202010035	3006205066453	Bùi Thị	Thanh	01/01/1995	Mường	CoN Sinh học - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
709	DTZ1454202010014	8500220037974	Vì Văn	Tư	05/06/1995	Thái	CoN Sinh học - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
710	DTZ1554202010014	8500220050887	Hoàng Mùi	Dầu	04/09/1997	Dao	CoN Sinh học - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
711	DTZ1554202010007	8500220050654	Nguyễn Thị Trà	My	16/04/1997	Tày	CoN Sinh học - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
712	DTZ1654202010003	8500220058010	Lù Thị	Xuân	11/03/1998	Thái	CoN Sinh học - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
713	DTZ1554601010001	8500220051788	Lường Thị Vân	Anh	15/05/1997	Sán Chí	Toán - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
714	DTZ1654601010005	8500220061594	Giàng Thị	Ho	20/12/1998	Hoa	Toán - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
715	DTZ1654601010006	8500220079315	Sùng Thị	Lai	07/12/1997	Nùng	Toán - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
716	DTZ1453201010035	#N/A	Dương Văn	Dinh	27/06/1996	Mông	Báo chí - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
717	DTZ1453201010071	8500220045132	Duy Thị	Định	24/09/1996	Tày	Báo chí - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
718	DTZ1453201010088	8500220045270	Bàn Thị	Đoan	28/06/1996	Dao	Báo chí - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
719	DTZ1453201010032	8500220038200	Ma Khánh	Hiệp	13/12/1996	Tày	Báo chí - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
720	DTZ1453201010036	8500220038216	Thào Mí	Phứ	06/09/1996	Mông	Báo chí - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
721	DTZ1453201010049	8500220029868	Chu Chu Thiên	Thanh	08/05/1995	Nùng	Báo chí - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
722	DTZ1453201010007	8500220041913	Lâm Thị	Thời	06/07/1996	Tày	Báo chí - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
723	DTZ1553201010079	8500220052955	Sùng A	Chương	02/11/1997	Mông	Báo chí - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
724	DTZ1553201010111	#N/A	Lèng Văn	Huế	23/09/1996	Tày	Báo chí - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
725	DTZ1553201010039	8500220052643	Sùng Thị	Pàng	30/04/1996	Mông	Báo chí - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
726	DTZ1553201010040	#N/A	Giàng A	Páo	20/01/1995	Mông	Báo chí - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
727	DTZ1553201010091	7803205032883	Tần Mỹ	Phấy	07/04/1996	Dao	Báo chí - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
728	DTZ1553201010082	8500220052984	Lý Gió	Pư	10/05/1996	Hà nhì	Báo chí - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
729	DTZ1553201010083	8500220054395	Ngải Phìn	Quá	22/07/2996	Xạ phang	Báo chí - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
730	DTZ1553201010105	8500220055641	Hoàng Thị	Sim	27/07/1996	Tày	Báo chí - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000

STT	MÃ SINH VIÊN	SỐ TK	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN /THÁNG	Số tháng	TỔNG TIỀN
731	DTZ1553201010052	#N/A	Lý Phương	Thảo	20/01/1997	Sán Dìu	Báo chí - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
732	DTZ1553201010084	8500220052990	Lý Thị	Thính	25/08/1997	Mông	Báo chí - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
733	DTZ1553201010094	8500220055591	Hoàng Đình	Thuần	23/10/1997	Tày	Báo chí - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
734	DTZ1553201010060	8500220052818	Lộc Thị	Thúy	13/01/1996	Nùng	Báo chí - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
735	DTZ1553201010064	8500220052830	Hoàng Thị	Tình	13/10/1996	Nùng	Báo chí - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
736	DTZ1553201010107	8500220055142	Giàng A	Tráng	20/02/1997	Hơ mông	Báo chí - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
737	DTZ1653201010014	8500220057630	Đàm Thúy	Phương	16/06/1998	Tày	Báo chí - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
738	DTZ1653201010013	8500220057886	Phan Thị Huyền	Thương	28/01/1998	Tày	Báo chí - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
739	DTZ1653201010040	8500220077486	Sùng A	Vư	22/12/1997	Mông	Báo chí - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
740	DTZ1752320101023	8500220124281	Giàng Thị	Dung	18/11/1999	Hơ mông	Báo chí - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
741	DTZ1752320101025	8500220131786	Đặng Văn	Lường	26/06/1999	Dao	Báo chí - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
742	DTZ1255281020052	8510205036574	La Thị	Tư	11/09/1992	Nùng	Du lịch - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
743	DTZ1555281020049	8500220051634	Vì Văn	Cường	17/10/1995	Thái	Du lịch - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
744	DTZ1555281020007	8500220051214	Đàm Đình	Giới	08/07/1997	Tày	Du lịch - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
745	DTZ1555281020010	8500220051237	Công Thị	Hằng	06/10/1997	Tày	Du lịch - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
746	DTZ1555281020012	8500220056037	Lục Thị	Hội	26/06/1997	Tày	Du lịch - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
747	DTZ1555281020014	8500220051250	Vương Duy	Hương	06/08/1997	Nùng	Du lịch - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
748	DTZ1555281020018	8500220051289	Hoàng Thị	Kiều	26/12/1997	Nùng	Du lịch - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
749	DTZ1555281020050	8500220055606	Nông Thị	Linh	25/07/1997	Tày	Du lịch - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
750	DTZ1555281020024	8502205050865	Mông Thị	Mỹ	14/08/1997	Tày	Du lịch - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
751	DTZ1555281020029	8500220051374	Vương Thị	Phương	06/10/1995	Nùng	Du lịch - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
752	DTZ1655281020033	8500220060267	Bùi Thị	Ánh	05/07/1998	Mường	Du lịch - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
753	DTZ1655281020029	8500220060194	Hoàng Mùi	Chiều	16/10/1998	Dao	Du lịch - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
754	DTZ1655281020024	8500220060165	Ninh Thị	Dường	01/02/1998	Sán Chí	Du lịch - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
755	DTZ1655281020006	8500220059931	Nông Thị	Hà	14/03/1998	Tày	Du lịch - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
756	DTZ1655281020038	8500220060300	Bế Thị Ngọc	Hân	20/06/1998	Nùng	Du lịch - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
757	DTZ1655281020039	8500220060317	Lý Thị	Mến	11/07/1998	Tày	Du lịch - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
758	DTZ1655281020019	8500220060113	Dương Văn	Thắng	01/01/1998	Tày	Du lịch - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
759	DTZ1655281020050	8500220078761	Triệu Thị	Ton	05/10/1998	Dao	Du lịch - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
760	DTZ1655281020040	8500220060250	Đặng Thị	Xoan	10/07/1998	Dao	Du lịch - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
761	DTZ1752528102047	8500220121826	Văn Thị	Huế	20/02/1999	Nùng	Du lịch - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
762	DTZ1752528102052	8500220121861	Lý Ngọc	Lan	16/10/1999	Tày	Du lịch - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000

STT	MÃ SINH VIÊN	SỐ TK	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN /THÁNG	Số tháng	TỔNG TIỀN
763	DTZ1752528102039	8500220121878	Trắng Văn	Lợi	01/08/1999	Sán Chí	Du lịch - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
764	DTZ1752528102049	8500220121928	Nông Thị Diệp	Ly	18/08/1999	Tày	Du lịch - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
765	DTZ1752528102021	8500220121934	Lưu Minh	Lý	25/10/1999	Tày	Du lịch - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
766	DTZ1752528102067	8500220121940	Lý Thị	Má	30/09/1999	Mông	Du lịch - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
767	DTZ1752528102055	8500220122024	Nông Thị	Oanh	01/09/1999	Tày	Du lịch - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
768	DTZ1752528102044	8500220122076	Hầu Thị	So	03/12/1999	Hơ mông	Du lịch - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
769	DTZ1752528102050	8500220122099	Hà Thị	Thảo	20/12/1998	Thái	Du lịch - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
770	DTZ1752528102046	8500220122228	Nguyễn Thị Hồng	Tươi	01/01/1999	Tày	Du lịch - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
771	DTZ1752528102054	8500220122257	Giàng A	Vàng	15/02/1999	Hơ mông	Du lịch - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
772	DTZ1452203300054	8500220043919	Lường Thị	Niên	18/09/1996	Tày	Văn học - K12	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
773	DTZ1452203300020	8500220037380	Nguyễn Thị	Nương	28/09/1996	Tày	Văn học - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
774	DTZ1452203300003	8500220041920	Sa Quang	Tùng	03/02/1992	Thái	Văn học - K12	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
775	DTZ1552203300003	8500220050388	Hoàng Thị	Chúc	18/06/1997	Nùng	Văn học - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
776	DTZ1552203300034	#N/A	Tần Minh	Phương	17/09/1997	Dao	Văn học - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
777	DTZ1552203300014	8500220050480	Hoàng Thị	Thoa	25/01/1997	Tày	Văn học - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000
778	DTZ1552203300033	8500220055136	Ma Thị	Tím	14/06/1996	Tày	Văn học - K13	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	780,000	5	3,900,000
779	DTZ1552203300021	8500220050575	Giàng Mí	Và	07/11/1997	Mông	Văn học - K13	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	780,000	5	3,900,000

**Danh sách gồm 779 sinh viên.*

Thái Nguyên, ngày tháng 04 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

3,038,100,000

ThS. Nguyễn Hoàng